

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11 – 01 - 2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Giang.
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 467/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Xóm B, thôn Đ, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Đội 6, thôn B, xã Kim C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế C**, sinh năm 1991; HKTT: Xóm B, thôn Đ, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm D, thôn Đ, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

Có mặt: chi L, anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương thì vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Chiến ở Xóm D, thôn Đ, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về nhiều mặt của cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết và đã khuyên giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C hay để ý những chuyện nhỏ nhặt từ việc chi tiêu hàng ngày cũng như việc chị L đi ăn quà vặt với đồng nghiệp; Đặc biệt từ khi chị L đi làm công nhân tại Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, anh C thường tỏ ra không tin tưởng, thường có thái độ nghi ngờ chị L có quan hệ nam nữ ở bên ngoài khiến chị L bị xúc phạm nặng nề. Ngoài mâu thuẫn với anh C thì còn mâu thuẫn với chị gái anh C. Chị gái anh C tuy đã lấy chồng nhưng do làm ăn thua lỗ, vỡ nợ nên đã quay về sống tại gia đình anh C, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn.

Do cuộc sống quá căng thẳng nên tháng 4/2017 và tháng 6/2017 chị L đã gửi đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án huyện Đông Anh và Tòa án đều đã thụ lý giải quyết vụ án. Tuy nhiên cả 02 lần do sự động viên của gia đình, bạn bè và việc hòa giải của Tòa án nên chị L đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó thì quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện nên chị L vẫn không quay về chung sống với anh C (chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 04/2017 cho đến nay).

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng quá lớn và kéo dài không thể khắc phục được, vì vậy chị L tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh C.

- **Về con chung:** Chị L và anh C có 01 con chung là: Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 01/9/2014. Hiện sức khỏe của cháu bình thường và đang ở với anh C. Hiện nay chị L làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân 4.000.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, do anh C có nguyện vọng được nuôi con nên chị L cũng đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L và anh C tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung:** Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Quan điểm của bị đơn là anh Nguyễn Thế C trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng:** Anh C nhất trí với phần trình bày của chị L về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, theo anh chiến xác định thì mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày mà nhà nào cũng có, còn nguyên nhân sâu xa mà chị L xin ly hôn thì anh C cũng không biết. Kể từ khi kết hôn cho đến nay anh luôn chăm chỉ làm ăn để vun vén gia đình, quan tâm vợ con. Việc chị L nêu ra nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay để ý chị L chuyện vặt vãnh nhưng mọi chuyện đều có lý do của nó, chị L nói là đi làm nhưng lại tung lên facebook hình ảnh đi ăn uống với đồng nghiệp nên anh có nghi vấn. Việc chị L nêu ra là có mâu thuẫn với chị gái chồng thì anh cũng không biết được vì anh hay đi làm đến chiều tối mới về và cũng không nghe thấy chị L cũng như mọi người khác trong gia đình nói lại.

Từ tháng 4/2017 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở Đội 6 thôn B, xã K ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, còn vì sao chị L bỏ đi thì anh cũng không xác định được lý do.

Từ ngày chị L bỏ về nhà mẹ đẻ cho đến nay, anh và mẹ đẻ đã sang nhà bố mẹ chị L để động viên chị L về nhưng chị L nhất định không về. Từ tháng 4/2017 cho đến nay chị L đã 02 lần xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, sau đó chị L đã rút đơn khởi kiện. Cả 02 lần Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng chị L vẫn ở tại nhà mẹ đẻ và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Tháng 3 âm lịch năm 2017, bà ngoại anh chết, chị L cũng không về mặc dù đã được thông báo.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị L. Mặc dù anh biết việc động viên chị L quay về là nằm ngoài khả năng của anh.

- **Về con chung:** Anh C xác định anh và chị L có 01 con chung là: Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 01/9/2014. Hiện nay cháu C đang ở cùng anh và gia đình anh, sức khỏe của cháu bình thường. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh C làm nghề lao động tự do (thợ xây), thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung:** Anh C và chị L thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Chị L nhất trí việc giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, anh C không phản đối.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của Người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L; Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh C về việc giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng 2.000 000 đồng/tháng để nuôi con chung của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, Thành phố Hà

Nội. Như vậy hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C là hợp pháp. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C cùng thừa nhận là có mâu thuẫn vợ chồng và đã hai lần chị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C, nhưng sau hai lần Tòa án đình chỉ vụ án thì chị L cũng không về chung sống cùng anh C mà vợ chồng vẫn sống ly thân. Quan điểm của chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn. Anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng còn có thể cải thiện được, nhưng anh thừa nhận việc thuyết phục chị L quay về đoàn tụ là ngoài khả năng của mình.

Xét thấy: Cuộc sống chung giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C đã thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 01/9/2014 cho anh Nguyễn Thế C trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

Sau ly hôn chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, anh C không phản đối, do vậy được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C cùng thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Do vậy giành quyền khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn bằng vụ kiện dân sự khác khi chị Trần Thị L hoặc anh Nguyễn Thế C có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điểm b khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Điểm b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L.
 2. Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thế C.
 3. Về con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con chung:
 - Giao con chung là Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 01/9/2014 cho anh Nguyễn Thế C trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị L về việc cấp dưỡng 2.000 000 (hai triệu) đồng/tháng tiền nuôi con chung.
 - Chị Trần Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
 4. Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn bằng vụ kiện dân sự khác khi chị Trần Thị L hoặc anh Nguyễn Thế C có yêu cầu.
 5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AB/2015/0000793 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, chị L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.
- Án xử công khai sơ thẩm, tuyên án có mặt chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C.
- Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thế C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã Mai Lâm, huyện Đông Anh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Hùng